

**MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH TIẾNG VIỆT VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1040/QĐ-ĐHNN ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

1.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng Việt)	Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam
2.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng Anh):	Vietnamese Language and Culture
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Mã ngành đào tạo:	7220101
5.	Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo Quy định hiện hành.
6.	Thời gian đào tạo:	4 năm
7.	Loại hình đào tạo:	Chính quy
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	131 tín chỉ
9.	Thang điểm:	Thang 4
10.	Điều kiện tốt nghiệp:	Kết thúc khoá học những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp: - Cho đến thời điểm tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập; - Tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình đào tạo; - Điểm chung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00/4,00 trở lên; - Có Chứng chỉ Giáo dục Thể chất. - Đạt Chuẩn đầu ra Tin học theo quy định của Nhà trường.
11.	Văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Cử nhân
12.	Vị trí việc làm:	Chương trình đào tạo ngành Tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam có mục tiêu đào tạo sinh viên tốt nghiệp có



		<p>thể làm việc ở vị trí nghề nghiệp trong các cơ quan như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường, viện nghiên cứu về các chuyên ngành liên quan tới tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam. - Làm công tác đối ngoại tại các cơ quan ngoại giao, báo chí – truyền thông, du lịch. - Làm việc tại các cơ quan đại diện của nước ngoài, các tổ chức quốc tế, tổ chức liên chính phủ và tổ chức phi chính phủ trong nước và nước ngoài. - Làm việc tại các liên doanh, công ty và doanh nghiệp tư nhân.
13.	Khả năng nâng cao trình độ:	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy và vận dụng được kiến thức đã học để tiếp tục học tập, nghiên cứu sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. - Vận dụng được kiến thức đã học để tiếp cận, nắm bắt, vận dụng vào những lĩnh vực chuyên môn chưa học chuyên sâu ở nhà trường. - Tiếp cận được khoa học công nghệ mới, tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ nhằm đáp ứng nhu cầu cá nhân và xã hội, cũng như nâng cao trình độ để tiếp nhận những vị trí quản lý ở các cơ quan, doanh nghiệp.
14.	Chương trình đào tạo tiên tiến đã tham khảo	

B. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – POs)

1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam được trang bị kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Việt và văn hoá Việt Nam; có khả năng vận dụng vào giao tiếp, giảng dạy và thực hiện nghiên cứu về ngôn ngữ, lịch sử, địa lý, thể chế chính trị, văn học và văn hoá của Việt Nam; có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, và sức khỏe tốt để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn về ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam, đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động trong nền kinh tế thời kỳ hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Nắm vững những kiến thức cơ bản và hệ thống về khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam, đặc biệt là về ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam, để có thể vận dụng vào nghiên cứu và giảng dạy những vấn đề có liên quan.

PO2: Sử dụng thành thạo tiếng Việt để có thể giao tiếp hiệu quả trong các tình huống giao tiếp xã hội và công việc chuyên môn.

PO3: Phát triển các kỹ năng thực hành, nghiên cứu ngôn ngữ và văn hoá một cách hiệu quả để có thể ứng dụng vào công việc và học tập thông qua việc tích lũy những kiến thức cơ bản về lịch sử, văn hoá, văn học, kinh tế, thể chế chính trị, và địa lý Việt Nam.

PO4: Hình thành và phát triển hệ thống kỹ năng mềm, gồm kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học tập, nghiên cứu, và tư duy độc lập, tư duy phản biện, để người học có thể tiếp tục nâng cao kiến thức trong các khóa đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu, sau đại học tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước; hoặc làm việc trong các trung tâm nghiên cứu, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức chính trị, kinh tế, giáo dục tại Việt Nam.

PO5: Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân.

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Tiếng Việt & Văn hóa Việt Nam của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng có khả năng:

- **PLO1:** Ứng dụng kiến thức khoa học về xã hội và nhân văn Việt Nam trong công việc.
- **PLO2:** Phân tích các vấn đề, hiện tượng thuộc đặc trưng ngôn ngữ, văn hóa, tôn giáo của các dân tộc Việt Nam.
- **PLO3:** Phát triển các kỹ năng thực hành và nghiên cứu về ngôn ngữ, văn hóa, lịch sử, xã hội Việt Nam trong công việc và trong cuộc sống hằng ngày.
- **PLO4:** Phát triển tư duy độc lập, phản biện và năng lực làm việc nhóm hiệu quả.
- **PLO5:** Xây dựng được kỹ năng học tập suốt đời.
- **PLO6:** Ứng dụng kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt trong hoạt động nghề nghiệp và thực tế cuộc sống.
- **PLO7:** Ứng dụng các quy định về pháp luật, đạo đức, nghiệp vụ, quyền lợi và trách nhiệm công dân vào thực tế cuộc sống tại Việt Nam.

III. Ma trận Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào

Mục tiêu của CTĐT hiện hành (POs)		Chuẩn đầu ra của CTĐT hiện hành (PLOs)						
		1	2	3	4	5	6	7
1.	Nắm vững những kiến thức cơ bản và hệ thống về khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam, đặc biệt là về ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam, để có thể vận dụng vào nghiên cứu và giảng dạy những vấn đề có liên quan.	X	X	X	X	X	X	X

Mục tiêu của CTĐT hiện hành (POs)		Chuẩn đầu ra của CTĐT hiện hành (PLOs)						
		1	2	3	4	5	6	7
2.	Sử dụng thành thạo tiếng Việt để có thể giao tiếp hiệu quả trong các tình huống giao tiếp xã hội và công việc chuyên môn.	X	X	X	X	X	X	
3.	Phát triển các kỹ năng thực hành, nghiên cứu ngôn ngữ và văn hoá một cách hiệu quả để có thể ứng dụng vào công việc và học tập thông qua việc tích lũy những kiến thức cơ bản về lịch sử, văn hoá, văn học, kinh tế, thể chế chính trị, và địa lý Việt Nam.	X	X	X	X	X	X	X
4.	Hình thành và phát triển hệ thống kỹ năng mềm, gồm kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học tập, nghiên cứu, và tư duy độc lập, tư duy phản biện, để người học có thể tiếp tục nâng cao kiến thức trong các khóa đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu, sau đại học tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước; hoặc làm việc trong các trung tâm nghiên cứu, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức chính trị, kinh tế, giáo dục tại Việt Nam.	X	X	X	X	X	X	
5.	Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân.							X

IV. Đối sánh CDR chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia trình độ quốc gia Việt Nam, trình độ đại học (Bậc 6):

(Đánh dấu X vào ô có liên quan)

CDR theo Khung trình độ QG	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
Chuẩn đầu ra CTĐT															
PLO 1	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X

PLO 2	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X
PLO 3	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X
PLO 4	X	X	X	X	X			X	X		X	X	X	X	X
PLO 5	X	X	X	X	X	X					X	X		X	
PLO 6				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X
PLO 7		X										X			

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
Bậc 6 (Đại học)		
<p>KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.</p> <p>KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.</p> <p>KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.</p> <p>KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.</p> <p>KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.</p>	<p>KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.</p> <p>KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p>KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.</p> <p>KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.</p> <p>KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.</p> <p>KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</p>	<p>TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.</p> <p>TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.</p> <p>TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p> <p>TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.</p>

NGANG

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Nguyễn Văn Long

